

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

(đã được kiểm toán)



## CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, Phố Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

---

### NỘI DUNG

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-37
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10-37

## **CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU**

Số 15, Phố Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

---

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

#### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 3656/QĐ-BNN-TCCB ngày 22/10/2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100114184 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18/01/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 09/02/2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 15, Phố Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Hội	Chủ tịch
Bà Nguyễn Hồng Anh	Ủy viên
Bà Trần Thị Lệ Châm	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Hội	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Hồng Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Hải Hà	Phó Tổng Giám đốc
Bà Hà Hồng Thúy	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Hồng Phương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Lệ Châm	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Phú Cường	Trưởng ban
Bà Đường Thị Hồng Hải	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan	Thành viên

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, Phố Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc 



Nguyễn Văn Hội  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 07 tháng 04 năm 2023

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu được lập ngày 07 tháng 04 năm 2023, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại Báo cáo kiểm toán số 300322.027/BCTC.KT2 ngày 30/03/2022 về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu, Kiểm toán viên đã đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ Công ty chưa ghi nhận đầy đủ chi phí khấu hao của tài sản cố định hữu hình là các tài sản trên lô đất số 15 Mạc Thị Bưởi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội và dây chuyền bánh mềm đã ngừng sản xuất từ các năm trước. Vấn đề này vẫn chưa được Công ty khắc phục triệt để nên tại ngày 31/12/2022, chi phí khấu hao lũy kế ghi nhận thiếu của các tài sản nêu trên là 4,85 tỷ đồng (tại 01/01/2022: 4,68 tỷ đồng). Nếu Công ty ghi nhận đúng quy định hiện hành thì trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022, chỉ tiêu "Tài sản cố định hữu hình" sẽ giảm đi số tiền là 4,85 tỷ đồng (tại ngày 01/01/2022: giảm đi số tiền 4,68 tỷ đồng); trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022, chỉ tiêu "Chi phí quản lý doanh nghiệp" sẽ tăng lên số tiền là 0,22 tỷ đồng và chỉ tiêu "Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế" sẽ giảm đi số tiền tương ứng.

Công ty chưa phân loại khoản vay và nợ dài hạn đến hạn trả tại thời điểm 31/12/2022 và 01/01/2022. Nếu Công ty phân loại đúng quy định thì trên Bảng cân đối kế toán, tại ngày 31/12/2022 và 01/01/2022, chỉ tiêu "Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn" sẽ tăng lên số tiền lần lượt là 11,69 tỷ đồng và 20,3 tỷ đồng, đồng thời chỉ tiêu "Vay và nợ thuê tài chính dài hạn" tại ngày 31/12/2022 và 01/01/2022 sẽ giảm đi số tiền tương ứng.

#### **Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### **Báo cáo về các yêu cầu khác của pháp luật và các quy định**

Theo quy định tại Khoản 2, điều 275 của Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán về tư cách thành viên Hội đồng quản trị, theo đó Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc của Công ty đại chúng. Tuy nhiên đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu vẫn chưa tuân thủ quy định trên.

Theo quy định tại điểm đ, khoản 1, điều 34, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, Công ty phải thực hiện đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán ra công chúng. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán, Công ty vẫn chưa hoàn tất việc đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



**Vũ Xuân Biển**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

Hà Nội, ngày 07 tháng 04 năm 2023

**Nguyễn Tuấn Anh**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1369-2023-002-1



**CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU**Số 15, Phố Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>352.572.329.479</b>	<b>281.640.518.617</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>36.316.770.401</b>	<b>43.596.054.520</b>
111	1. Tiền		36.316.770.401	43.596.054.520
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>202.787.302.095</b>	<b>123.745.139.272</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	124.338.481.849	77.510.145.594
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	47.117.385.701	22.359.175.299
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	31.331.434.545	23.875.818.379
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>7</b>	<b>96.332.755.240</b>	<b>93.776.541.368</b>
141	1. Hàng tồn kho		96.332.755.240	93.776.541.368
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>17.135.501.743</b>	<b>20.522.783.457</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	-	10.000.004
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		17.135.501.743	20.431.299.219
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	-	81.484.234
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>328.313.097.995</b>	<b>370.085.166.088</b>
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>310.856.133.723</b>	<b>332.711.576.769</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	296.492.583.615	317.126.837.383
222	- Nguyên giá		556.420.611.782	551.612.008.600
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(259.928.028.167)	(234.485.171.217)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	10	14.293.883.442	15.584.739.386
225	- Nguyên giá		19.362.838.916	19.362.838.916
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(5.068.955.474)	(3.778.099.530)
227	3. Tài sản cố định vô hình	11	69.666.666	-
228	- Nguyên giá		317.650.000	1.312.916.800
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(247.983.334)	(1.312.916.800)
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>8</b>	<b>14.903.842.565</b>	<b>32.384.331.018</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		14.903.842.565	32.384.331.018
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>2.553.121.707</b>	<b>4.989.258.301</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	2.553.121.707	4.989.258.301
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>680.885.427.474</b>	<b>651.725.684.705</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU**

Số 15, Phố Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>457.602.443.400</b>	<b>430.928.650.599</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>331.207.020.533</b>	<b>279.013.377.105</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	120.910.198.048	97.862.312.443
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	2.811.019.153	963.953.470
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	5.530.484.736	6.488.181.238
314	4. Phải trả người lao động		10.059.067.906	11.405.066.567
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	20.418.780.390	17.635.415.547
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	13.343.734.337	2.524.713.263
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	156.200.336.732	140.103.996.945
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.933.399.231	2.029.737.632
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>126.395.422.867</b>	<b>151.915.273.494</b>
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	126.395.422.867	151.915.273.494
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>223.282.984.074</b>	<b>220.797.034.106</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	19	<b>223.282.984.074</b>	<b>220.797.034.106</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		122.295.340.000	122.295.340.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		<i>122.295.340.000</i>	<i>122.295.340.000</i>
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		25.863.334.000	25.863.334.000
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		3.448.146.918	3.448.146.918
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		60.101.936.123	60.101.936.123
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		11.574.227.033	9.088.277.065
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>		<i>-</i>	<i>9.088.277.065</i>
421b	<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>		<i>11.574.227.033</i>	<i>-</i>
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>680.885.427.474</b>	<b>651.725.684.705</b>



Phạm Ngọc Quang  
Người lập



Khúc Thị Minh Phương  
Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Hội  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 07 tháng 04 năm 2023



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2022

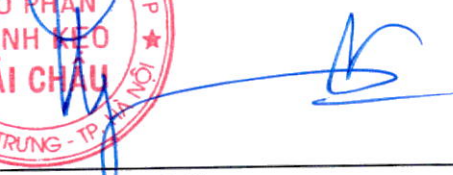
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	795.779.873.663	661.238.538.907
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	1.058.802.762	1.567.228.638
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		794.721.070.901	659.671.310.269
11	4. Giá vốn hàng bán	23	677.745.799.729	525.377.054.693
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		116.975.271.172	134.294.255.576
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	239.767.902	36.897.834
22	7. Chi phí tài chính	25	18.033.378.280	19.389.198.398
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		17.186.166.727	18.088.107.110
25	8. Chi phí bán hàng	26	55.756.199.850	75.711.913.986
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	28.879.418.604	27.221.456.194
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		14.546.042.340	12.008.584.832
31	11. Thu nhập khác	28	417.684.618	297.327.175
32	12. Chi phí khác	29	398.281.642	499.648.704
40	13. Lợi nhuận khác		19.402.976	(202.321.529)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		14.565.445.316	11.806.263.303
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	2.941.218.283	2.587.986.237
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		11.624.227.033	9.218.277.066
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	946	716



Phạm Ngọc Quang  
Người lập



Khúc Thị Minh Phương  
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hội  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 07 tháng 04 năm 2023

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2022

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		794.446.876.536	725.013.219.300
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(701.866.848.271)		(525.552.833.845)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động	(53.913.161.489)		(59.123.456.637)
04	4. Tiền lãi vay đã trả	(16.106.726.059)		(16.183.437.759)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(2.508.970.772)		(1.229.994.970)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	7.003.020.000		455.197.259
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(31.180.973.367)		(33.747.650.786)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(4.126.783.422)</b>	<b>89.631.042.562</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(5.047.720.219)	(50.269.104.830)
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		31.760.558	36.897.834
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(5.015.959.661)</b>	<b>(50.232.206.996)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	1. Tiền thu từ đi vay		387.058.935.499	399.876.515.142
34	2. Tiền trả nợ gốc vay	(371.251.162.909)		(422.989.831.158)
35	3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	(5.231.283.430)		(5.038.640.113)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(8.899.365.166)		(7.071.077.490)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>1.677.123.994</b>	<b>(35.223.033.619)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>(7.465.619.089)</b>	<b>4.175.801.947</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>43.596.054.520</b>	<b>39.438.864.841</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		186.334.970	(18.612.268)
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>3</b>	<b>36.316.770.401</b>	<b>43.596.054.520</b>


Phạm Ngọc Quang  
Người lập

Khúc Thị Minh Phương  
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hội  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 07 tháng 04 năm 2023

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Năm 2022*

### **1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Châu được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 3656/QĐ-BNN-TCCB ngày 22/10/2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100114184 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18/01/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 09/02/2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 15, Phố Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 122.295.340.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 122.295.340.000 đồng; tương đương 12.229.534 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 424 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 454 người).

#### **Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất công nghiệp.

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất bánh kẹo, sô cô la, gia vị, mì ăn liền và chế biến các loại thực phẩm khác;
- Kinh doanh các loại nguyên vật liệu phục vụ sản xuất của Công ty;
- Cho thuê văn phòng, nhà xưởng.

#### **Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Trong năm 2022, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tăng cao so với năm trước do hoạt động của nhà máy Nghệ An đã đi vào ổn định. Đồng thời, tình hình dịch bệnh cơ bản được kiểm soát nên sản lượng tiêu thụ sản phẩm của Công ty được gia tăng hơn trước dẫn tới doanh thu của Công ty năm 2022 tăng 20,35% so với năm trước. Tuy nhiên, do chi phí nguyên vật liệu đầu vào tăng cao trong năm 2022, dẫn tới lợi nhuận gộp của Công ty giảm 12,90% so với năm trước.

#### **Cấu trúc doanh nghiệp**

##### **Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:**

Nhà máy Bánh kẹo Hải Châu I  
Nhà máy Bánh kẹo Hải Châu II

##### **Địa chỉ**

Hung Yên  
Nghệ An

##### **Hoạt động kinh doanh chính**

Sản xuất thực phẩm  
Sản xuất thực phẩm

### **2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

#### **2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

**2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

**2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

**2.4 . Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu*

*Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

*Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

**2.5 . Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

**2.6 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## 2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.8 . Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 15	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10	năm
- Phần mềm quản lý	05	năm

## 2.9 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

## 2.10 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**2.11 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)**

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Theo các điều khoản thỏa thuận tại BCC, Công ty được nhận khoản lợi nhuận cố định hàng năm, không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng và ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản từ BCC đối với khoản được chia khi có thông báo từ BCC.

**2.12 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 đến 36 tháng.
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản của Công ty được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 24 đến 36 tháng.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 24 đến 36 tháng.

**2.13 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

**2.14 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo đổi chi tiết theo nguyên tệ.

**2.15 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**2.16 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**2.17 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ

Vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Công ty.

**2.18 . Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**2.19 . Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ là hàng bán bị trả lại.

Hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

**2.20 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**2.21 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái;
- Chi phí đi vay vốn;
- Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.



## CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU

Số 15, Phố Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

### 2.23 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

### 2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### 2.25 . Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất kinh doanh bánh kẹo và thực phẩm, đồng thời chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

## 3 . TIỀN

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Tiền mặt	6.831.974.493	6.883.062.699
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	29.484.795.908	36.712.991.821
	<u><u>36.316.770.401</u></u>	<u><u>43.596.054.520</u></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU**Số 15, Phố Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b><i>Bên liên quan</i></b>	<b>46.576.173.278</b>	-	<b>13.876.804.528</b>	-
- Tổng Công ty Mía đường I - CTCP	541.886.538	-	283.370.571	-
- Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư	4.749.216.291	-	4.389.161.787	-
- Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	38.221.921.894	-	6.555.346.437	-
- Công ty Cổ phần Bia Rượu Nước giải khát Viger	3.063.148.555	-	2.648.925.733	-
<b><i>Bên khác</i></b>	<b>77.762.308.571</b>	-	<b>63.633.341.066</b>	-
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hải Anh	9.327.198.448	-	6.271.313.179	-
- Đại lý Hoàng Thị Hiên	4.519.453.903	-	5.350.632.151	-
- Phải thu khách hàng khác	63.915.656.220	-	52.011.395.736	-
	<b>124.338.481.849</b>	-	<b>77.510.145.594</b>	-

**5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b><i>Bên liên quan</i></b>	<b>39.807.894.391</b>	-	<b>18.901.066.210</b>	-
- Tổng Công ty Mía đường I - CTCP	28.801.469.481	-	11.997.503.370	-
- Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
- Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư	9.006.424.910	-	4.903.562.840	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU**

Số 15, Phố Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b><i>Bên khác</i></b>	<b>7.309.491.310</b>	-	<b>3.458.109.089</b>	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ B2B Sen Vàng	3.000.000.000	-	-	-
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	4.309.491.310	-	3.458.109.089	-
	<b>47.117.385.701</b>	-	<b>22.359.175.299</b>	-
<b>6 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC</b>				
	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Chi tiết theo nội dung</b>				
Tạm ứng	27.705.258.715	-	19.527.913.401	-
Ký cược, ký quỹ	3.217.876.000	-	3.153.876.000	-
Thuế GTGT đầu vào chưa kê khai	398.014.375	-	1.194.028.978	-
Phải thu khác	10.285.455	-	-	-
	<b>31.331.434.545</b>	-	<b>23.875.818.379</b>	-
<b>b) Chi tiết theo đối tượng</b>				
<b><i>Bên liên quan</i></b>	<b>15.144.612.508</b>	-	<b>9.144.612.508</b>	-
- Bà Nguyễn Hồng Phương	8.073.862.508	-	5.073.862.508	-
- Bà Nguyễn Hồng Anh	7.070.750.000	-	4.070.750.000	-
<b><i>Bên khác</i></b>	<b>16.186.822.037</b>	-	<b>14.731.205.871</b>	-
- Ông Ngô Văn Phương	6.000.000.000	-	3.000.000.000	-
- Bà Nguyễn Thu Phương	6.074.630.973	-	6.736.528.295	-
- Phải thu khác	4.112.191.064	-	4.994.677.576	-
	<b>31.331.434.545</b>	-	<b>23.875.818.379</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU**Số 15, Phố Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**7 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	65.355.399.550	-	70.801.063.759	-
Công cụ, dụng cụ	2.978.090.414	-	2.667.259.025	-
Thành phẩm	26.231.830.722	-	19.847.174.979	-
Hàng hoá	1.767.434.554	-	461.043.605	-
	<b>96.332.755.240</b>	<b>-</b>	<b>93.776.541.368</b>	<b>-</b>

**8 . XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Mua sắm máy móc thiết bị tại nhà máy Hưng Yên	-	148.771.996
- Công trình dự án tại địa chỉ 15 Mạc Thị Bưởi <sup>(1)</sup>	216.924.727	17.216.924.727
- Công trình dự án Nhà văn phòng ngõ 622 Minh Khai <sup>(2)</sup>	14.523.800.801	14.523.800.801
- Dự án nhà máy tại Vĩnh Long	-	494.833.494
- Dự án đầu tư dây chuyền Bánh Bakery	163.117.037	-
	<b>14.903.842.565</b>	<b>32.384.331.018</b>

Thông tin chi tiết về một số dự án của Công ty:

**(1) Công trình dự án tại địa chỉ 15 Mạc Thị Bưởi:**

Trong năm 2018, Công ty thực hiện ký kết Hợp đồng hợp tác đầu tư số 248/HĐHTĐT ngày 10/05/2018 với Công ty Cổ phần Tập đoàn Picensa Việt Nam ("Picensa") liên quan đến việc triển khai Dự án Văn phòng thương mại, công trình hỗn hợp, nhà ở cao tầng và thấp tầng trên khu đất có diện tích khoảng 18.000 m<sup>2</sup> tại địa chỉ số 15 và 17 Mạc Thị Bưởi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Theo đó, Công ty trao quyền cho Picensa toàn quyền thực hiện các quyền, nghĩa vụ của chủ đầu tư dự án theo quy định của pháp luật. Picensa tổ chức thực hiện, quản lý, hạch toán toàn bộ nguồn thu, nguồn chi, chi phí phát sinh liên quan đến dự án và chịu trách nhiệm về mọi rủi ro hoặc hiệu quả kinh tế của dự án; Picensa được quyền sở hữu, định đoạt các sản phẩm hình thành từ dự án, Công ty đồng ý chấp thuận chỉ nhận và hưởng lợi ích cố định từ dự án là 100 tỷ đồng. Chi phí ghi nhận đến thời điểm 31/12/2021 của dự án này bao gồm chi phí khảo sát thiết kế. Trong năm 2022, Công ty thực hiện bù trừ khoản vay của Picensa và chi phí thanh lý hợp đồng hợp tác với đối tác cũ (Công Ty Cổ phần Đầu Tư Xây Dựng Phát Triển Nhà Số 7 Hà Nội) số tiền 17 tỷ VND.

**(2) Công trình dự án nhà văn phòng ngõ 622 Minh Khai**

Chi phí tập hợp liên quan đến dự án này bao gồm chi phí xây dựng 12,34 tỷ đồng và các chi phí tư vấn thiết kế. Hiện nay dự án đang tạm dừng triển khai và dự kiến tiếp tục triển khai sau khi thực hiện dự án nhà văn phòng 15 Mạc Thị Bưởi.

## 9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu kỳ	218.022.363.373	317.313.574.642	15.051.840.231	1.224.230.354	551.612.008.600
- Mua trong kỳ	-	732.225.000	-	-	732.225.000
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	4.076.378.182	-	4.076.378.182
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>218.022.363.373</b>	<b>318.045.799.642</b>	<b>19.128.218.413</b>	<b>1.224.230.354</b>	<b>556.420.611.782</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	71.586.519.610	151.560.068.330	10.145.972.119	1.192.611.158	234.485.171.217
- Khấu hao trong kỳ	8.401.154.957	15.977.153.655	1.047.329.142	17.219.196	25.442.856.950
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>79.987.674.567</b>	<b>167.537.221.985</b>	<b>11.193.301.261</b>	<b>1.209.830.354</b>	<b>259.928.028.167</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu kỳ	146.435.843.763	165.753.506.312	4.905.868.112	31.619.196	317.126.837.383
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>138.034.688.806</b>	<b>150.508.577.657</b>	<b>7.934.917.152</b>	<b>14.400.000</b>	<b>296.492.583.615</b>

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 93.882.674.748 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 140.521.501.061 đồng.

## 10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Toàn bộ tài sản cố định thuê tài chính của Công ty là máy móc, thiết bị sản xuất bánh kẹo tại nhà máy Hưng Yên với nguyên giá và hao mòn lũy kế tại thời điểm 31/12/2022 lần lượt là 19.362.838.916 đồng và 5.068.955.474 đồng. Khấu hao trong năm là 1.290.855.944 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU**Số 15, Phố Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Phần mềm máy tính
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	1.071.266.800	241.650.000	1.312.916.800
- Mua trong kỳ	-	76.000.000	76.000.000
- Giảm khác	(1.071.266.800)	-	(1.071.266.800)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>317.650.000</b>	<b>317.650.000</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	1.071.266.800	241.650.000	1.312.916.800
- Khấu hao trong kỳ	-	6.333.334	6.333.334
- Giảm khác	(1.071.266.800)	-	(1.071.266.800)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>247.983.334</b>	<b>247.983.334</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu kỳ	-	-	-
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>69.666.666</b>	<b>69.666.666</b>

*Trong đó:*

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 241.650.000 đồng.

**12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	10.000.004
	<b>-</b>	<b>10.000.004</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Chi phí sửa chữa lớn, cải tạo tài sản cố định	59.298.062	216.693.377
Công cụ dụng cụ xuất dùng	2.171.206.897	4.772.564.924
Chi phí phân bổ Dự án Vĩnh Long	322.616.748	-
	<b>2.553.121.707</b>	<b>4.989.258.301</b>

**13 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>Bên khác</b>		
- Công ty Sản xuất Thương mại Hải Hà - (TNHH)	1.286.250.000	-
- Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Song Phương	577.332.520	-
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	947.436.633	963.953.470
	<b>2.811.019.153</b>	<b>963.953.470</b>

## 14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	81.484.234	3.529.857.822	18.451.026.047	19.738.021.067	-	2.161.378.568
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	272.441.019	272.441.019	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	2.508.970.772	2.941.218.283	2.508.970.772	-	2.941.218.283
Thuế Thu nhập cá nhân	-	449.352.644	637.966.453	659.431.212	-	427.887.885
Thuế Tài nguyên	-	-	1.000.200	1.000.200	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	4.314.547.816	4.314.547.816	-	-
Các loại thuế khác	-	-	2.000.000	2.000.000	-	-
	<b>81.484.234</b>	<b>6.488.181.238</b>	<b>26.620.199.818</b>	<b>27.496.412.086</b>	<b>-</b>	<b>5.530.484.736</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU**

Số 15, Phố Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND
<b>Bên liên quan</b>	<b>41.718.482.200</b>	<b>41.718.482.200</b>	<b>20.354.469.867</b>	<b>20.354.469.867</b>
- Tổng Công ty Mía đường I - CTCP	38.683.917.568	38.683.917.568	4.550.929.232	4.550.929.232
- Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư	3.034.564.632	3.034.564.632	15.803.540.635	15.803.540.635
<b>Bên khác</b>	<b>79.191.715.848</b>	<b>79.191.715.848</b>	<b>77.507.842.576</b>	<b>77.507.842.576</b>
- Công ty TNHH Văn Chương	6.968.212.098	6.968.212.098	8.833.053.206	8.833.053.206
- Công ty TNHH Hồng Dương	10.231.205.300	10.231.205.300	13.280.307.150	13.280.307.150
- Công ty TNHH Phát Đại Lợi	17.661.582.000	17.661.582.000	10.477.980.000	10.477.980.000
- Phải trả nhà cung cấp khác	44.330.716.450	44.330.716.450	44.916.502.220	44.916.502.220
	<b>120.910.198.048</b>	<b>120.910.198.048</b>	<b>97.862.312.443</b>	<b>97.862.312.443</b>

**16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	3.232.418.889	2.152.978.221
- Chi phí hỗ trợ nhà phân phối, đại lý	15.582.398.162	13.855.347.459
- Chi phí vận chuyển	1.395.795.110	1.487.089.867
- Chi phí phải trả khác	208.168.229	140.000.000
	<b>20.418.780.390</b>	<b>17.635.415.547</b>

**17 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Kinh phí công đoàn	652.442.341	434.372.424
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	20.000.000	20.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	124.640.957	266.642.910
- Các khoản đặt cọc, thế chấp và ký quỹ	-	643.830.014
- Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư	7.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Picensa Việt Nam <sup>(1)</sup>	3.000.000.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.546.651.039	1.159.867.915
	<b>13.343.734.337</b>	<b>2.524.713.263</b>
<b>b) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan</b>		
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Picensa Việt Nam <sup>(1)</sup>	3.000.000.000	-
- Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư <sup>(2)</sup>	7.000.000.000	-
	<b>10.000.000.000</b>	<b>-</b>

(1) Khoản tiền còn lại liên quan đến hợp đồng hợp tác của dự án tại địa chỉ 15 Mạc Thị Bưởi, chi tiết tại Thuyết minh số 8 - Xây dựng cơ bản dở dang.

(2) Khoản tiền mượn nhằm mục đích phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Hiện tại, Công ty đã chuyển trả khoản tiền này.



## 18 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2022		Trong kỳ		31/12/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
- Vay ngắn hạn Ngân hàng	140.103.996.945	140.103.996.945	371.993.379.542	355.897.039.755	156.200.336.732	156.200.336.732
	<b>140.103.996.945</b>	<b>140.103.996.945</b>	<b>371.993.379.542</b>	<b>355.897.039.755</b>	<b>156.200.336.732</b>	<b>156.200.336.732</b>
<b>b) Vay dài hạn</b>						
- Vay Ngân hàng	65.011.322.809	65.011.322.809	-	15.354.123.154	49.657.199.655	49.657.199.655
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Picensa Việt Nam	20.000.000.000	20.000.000.000	-	20.000.000.000	-	-
- Tổng Công ty Mía đường I - CTCP	17.953.784.000	17.953.784.000	3.213.727.336	-	21.167.511.336	21.167.511.336
- Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư - Tổng Công ty Mía Đường I	23.872.012.830	23.872.012.830	2.585.000.000	-	26.457.012.830	26.457.012.830
- Vay dài hạn cá nhân	18.708.987.640	18.708.987.640	9.266.828.621	-	27.975.816.261	27.975.816.261
- Nợ thuê tài chính dài hạn	6.369.166.215	6.369.166.215	-	5.231.283.430	1.137.882.785	1.137.882.785
	<b>151.915.273.494</b>	<b>151.915.273.494</b>	<b>15.065.555.957</b>	<b>40.585.406.584</b>	<b>126.395.422.867</b>	<b>126.395.422.867</b>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	-	-	-	-	-	-
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	<b>151.915.273.494</b>	<b>151.915.273.494</b>			<b>126.395.422.867</b>	<b>126.395.422.867</b>
<b>c) Trong đó các khoản vay với các bên liên quan</b>						
			31/12/2022	01/01/2022		
			VND	VND		
- Tổng Công ty Mía đường I - CTCP			21.167.511.336	17.953.784.000		
- Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư			26.457.012.830	23.872.012.830		
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Picensa Việt Nam			-	20.000.000.000		
- Ông Nguyễn Văn Hội			8.447.833.759	7.165.253.400		
- Bà Cao Thị Hồng Liên			5.808.078.658	4.916.956.800		
- Ông Cao Chiến Thắng			3.830.571.000	3.249.000.000		
- Bà Nguyễn Hồng Anh			5.000.000.000	-		
- Ông Bùi Hải Hà			4.889.332.844	3.377.777.440		
			<b>75.600.340.427</b>	<b>80.534.784.470</b>		

**Thông tin liên quan đến khoản nợ thuê tài chính:**

Khoản nợ thuê tài chính theo Hợp đồng số 2019-0034-000 ngày 24/03/2019 ký với bên cho thuê là Công ty TNHH cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam, với các thông tin chi tiết sau:

- Tổng giá trị nợ gốc là: 10.071.582.000 đồng;
- Tài sản thuê: Máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh bao gồm: Máy sản xuất Cookies, dây chuyền nạp liệu và đóng gói bánh bông lan;
- Thời hạn thuê: 48 tháng;
- Lãi suất: 7,6%/năm;
- Số dư nợ gốc còn phải trả cuối kỳ là 1.141.350.479 đồng (trong đó, nợ gốc phải trả trong 12 tháng tới là: 1.141.350.479 đồng).

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

TT	Bên cho vay/hợp đồng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Lãi suất	Số dư nợ gốc tại 31/12/2022	Hình thức đảm bảo tiền vay
<b>1</b>	<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội</b>						
	Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/144344/HĐTD ngày 30 tháng 07 năm 2022	120.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở LC	12 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	107.816.046.909	Tài sản đảm bảo (*)
<b>2</b>	<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Hai Bà Trưng</b>						
	Hợp đồng tín dụng số 93167.22.065.29907.TD ngày 26 tháng 10 năm 2022	100.000.000.000	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thực phẩm của khách hàng	Từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 09/08/2023	Theo từng giấy nhận nợ	37.338.319.048	Tài sản đảm bảo (*)
<b>3</b>	<b>Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Long Biên</b>						
	Hợp đồng tín dụng số 221/BN/2022/HĐTD ngày 01 tháng 12 năm 2022	30.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng	Theo từng giấy nhận nợ	11.045.970.775	Tài sản đảm bảo (*)
	<b>Tổng cộng</b>					<b>156.200.336.732</b>	

## Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

TT	Bên cho vay/hợp đồng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Lãi suất	Số dư nợ gốc tại 31/12/2022	Hình thức đảm bảo tiền vay
<b>I</b>	<b>Vay dài hạn ngân hàng</b>					<b>49.657.199.655</b>	
<b>1</b>	<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội</b>					<b>49.331.039.100</b>	
1.1	Hợp đồng tín dụng số 02/2017/144344/HĐTD ngày 06/10/2017	35.267.000.000	Phát hành LC và thanh toán các chi phí đầu tư dây chuyền sản xuất bánh quy giòn, bánh quy cứng và bánh quy mềm	120 tháng	Lãi suất thả nổi	9.452.656.600	Tài sản đảm bảo (*)
1.2	Hợp đồng tín dụng số 02/2018/144344/HĐTD ngày 08/08/2018	70.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở LC	120 tháng	Lãi suất thả nổi	39.878.382.500	Tài sản đảm bảo (*)
<b>2</b>	<b>Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm</b>					<b>326.160.555</b>	
2.1	Hợp đồng tín dụng số 810600049030 ngày 17/05/2021	473.000.000	Thanh toán chi phí mua xe ô tô TOYOTA HILUX	60 tháng	7,5%/năm áp dụng trong suốt thời hạn cho vay	326.160.555	Tài sản đảm bảo (*)
<b>II</b>	<b>Tổng Công ty Mía đường I - CTCP</b>					<b>21.167.511.336</b>	
1	Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 01/2018/HC-SUGAR I	5.386.135.200	Bổ sung vốn kinh doanh	48 tháng	0% trong 24 tháng đầu tiên, 12%/năm kể từ tháng thứ 25	5.386.135.200	Tín chấp
2	Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 05/2018/HC-SUGAR I	39.999.996.000	Bổ sung vốn kinh doanh	48 tháng	0% trong 24 tháng đầu tiên, 12%/năm kể từ tháng thứ 25	9.874.581.200	Tín chấp
3	Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 05/2021/HC-VVKD ngày 31/10/2021	2.693.067.600	Bổ sung vốn kinh doanh	24 tháng	8%/năm trong suốt thời hạn vay	2.693.067.600	Tín chấp
4	HĐ vay vốn kinh doanh số 01/2022/HC-SUGAR I ngày 01/8/2022	3.213.727.336	Bổ sung vốn kinh doanh	48 tháng	0% trong 24 tháng đầu tiên, 12%/năm kể từ tháng thứ 25	3.213.727.336	Tín chấp

## Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

TT	Bên cho vay/hợp đồng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Lãi suất	Số dư nợ gốc tại 31/12/2022	Hình thức đảm bảo tiền vay
<b>III</b>	<b>Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư Tổng Công ty Mía đường I</b>					<b>26.457.012.830</b>	
1	Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 772/2019/HC-SUGAR I	19.200.000.000	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.	48 tháng	0% trong 24 tháng đầu tiên, 12%/năm kể từ tháng thứ 25	6.200.000.000	Tín chấp
2	Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 05/2021/HC-VVKD ngày 31/12/2021	13.399.360.930	Bổ sung vốn kinh doanh	24 tháng	8%/năm trong suốt thời hạn vay	13.399.360.930	Tín chấp
3	Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 06/2021/HC-VVKD ngày 31/12/2021	4.272.651.900	Mua máy móc thiết bị phát sinh tại nhà máy Hưng Yên	24 tháng	8%/năm trong suốt thời hạn vay	4.272.651.900	Tín chấp
4	Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 01A/2022/HC-VVKD ngày 31/03/2022	2.585.000.000	Mua máy móc thiết bị phát sinh tại nhà máy Nghệ An	24 tháng	8,5%/năm trong suốt thời hạn vay	2.585.000.000	Tín chấp
<b>IV</b>	<b>Các khoản vay cá nhân</b>					<b>27.975.816.261</b>	
1	Theo các hợp đồng vay cá nhân cụ thể	27.975.816.261	Bổ sung vốn kinh doanh	48 tháng	0% trong 24 tháng đầu tiên, 12%/năm kể từ tháng thứ 25	27.975.816.261	Tín chấp

(\*) Các khoản vay từ ngân hàng được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố tại bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

## 19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

## a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	122.295.340.000	25.863.334.000	3.448.146.918	59.497.490.262	8.360.175.011	219.464.486.191
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	9.218.277.066	9.218.277.066
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	604.445.861	(8.360.175.012)	(7.755.729.151)
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(130.000.000)	(130.000.000)
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>122.295.340.000</b>	<b>25.863.334.000</b>	<b>3.448.146.918</b>	<b>60.101.936.123</b>	<b>9.088.277.065</b>	<b>220.797.034.106</b>
Số dư đầu năm nay	122.295.340.000	25.863.334.000	3.448.146.918	60.101.936.123	9.088.277.065	220.797.034.106
Lãi trong kỳ nay	-	-	-	-	11.624.227.033	11.624.227.033
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(9.088.277.065)	(9.088.277.065)
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(50.000.000)	(50.000.000)
<b>Số dư cuối kỳ nay</b>	<b>122.295.340.000</b>	<b>25.863.334.000</b>	<b>3.448.146.918</b>	<b>60.101.936.123</b>	<b>11.574.227.033</b>	<b>223.282.984.074</b>

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 426/NQ-HC-ĐHĐCĐ ngày 30/06/2022, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

	Số tiền VND
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	460.913.853
Chi trả cổ tức (bằng 7,16% vốn điều lệ)	8.757.363.213

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU**Số 15, Phố Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Tổng Công ty Mía đường I - CTCP	36,70%	44.884.460.000	36,70%	44.884.460.000
Ông Nguyễn Văn Hội	15,42%	18.855.930.000	15,42%	18.855.930.000
Bà Cao Thị Hồng Liên	11,16%	13.644.650.000	10,58%	12.939.360.000
Ông Cao Chiến Thắng	6,99%	8.550.000.000	6,99%	8.550.000.000
Ông Bùi Hải Hà	18,17%	22.222.220.000	18,17%	22.222.220.000
Các cổ đông khác	11,56%	14.138.080.000	12,14%	14.843.370.000
	<b>100%</b>	<b>122.295.340.000</b>	<b>100%</b>	<b>122.295.340.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	122.295.340.000	122.295.340.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	<i>122.295.340.000</i>	<i>122.295.340.000</i>
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	<i>122.295.340.000</i>	<i>122.295.340.000</i>
Cổ tức, lợi nhuận:		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ</i>	<i>266.642.910</i>	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ</i>	<i>8.757.363.213</i>	<i>7.337.720.400</i>
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	<i>8.757.363.213</i>	<i>7.337.720.400</i>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	<i>(8.899.365.166)</i>	<i>(7.071.077.490)</i>
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	<i>(8.899.365.166)</i>	<i>(7.071.077.490)</i>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ</i>	<i>124.640.957</i>	<i>266.642.910</i>

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.229.534	12.229.534
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	12.229.534	12.229.534
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>12.229.534</i>	<i>12.229.534</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.229.534	12.229.534
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>12.229.534</i>	<i>12.229.534</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Quỹ đầu tư phát triển	60.101.936.123	60.101.936.123
	<b>60.101.936.123</b>	<b>60.101.936.123</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU**Số 15, Phố Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG****a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty ký kết các hợp đồng thuê đất với Nhà nước để sử dụng với mục đích sản xuất kinh doanh. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước. Thông tin chi tiết về các lô đất thuê như sau:

Vị trí	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Thời gian thuê
- Số 15 phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	17.465,00	Đến năm 2023
- Ngõ 622 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	1.794,6	Đến năm 2064
- Xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên	54.645,0	Đến năm 2057
- Xã Quỳnh Lộc, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An	50.000,0	Đến năm 2069

**b) Ngoại tệ các loại**

	31/12/2022	01/01/2022
- Đồng đô la Mỹ (USD)	134.532,75	104.350,42
- Đồng Euro (EUR)	2.164,72	2.175,28

**21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	789.317.109.070	654.997.291.891
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.462.764.593	6.241.247.016
	<b>795.779.873.663</b>	<b>661.238.538.907</b>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)	<b>68.934.226.159</b>	<b>11.008.081.307</b>

**22 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	1.058.802.762	1.567.228.638
	<b>1.058.802.762</b>	<b>1.567.228.638</b>

**23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	677.745.799.729	525.377.054.693
	<b>677.745.799.729</b>	<b>525.377.054.693</b>
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)		
Tổng giá trị mua vào:	<b>197.617.839.294</b>	<b>281.137.226.762</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU**Số 15, Phố Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	31.760.558	36.897.834
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	21.672.374	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	186.334.970	-
	<b>239.767.902</b>	<b>36.897.834</b>

**25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền vay	17.186.166.727	18.088.107.110
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	847.211.553	1.282.479.020
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	18.612.268
	<b>18.033.378.280</b>	<b>19.389.198.398</b>

**26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.651.184.220	2.054.161.494
Chi phí nhân công	11.865.647.161	14.636.656.704
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.120.181.284	637.603.837
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.575.959.070	17.067.085.866
Chi phí khác bằng tiền	29.543.228.115	41.316.406.085
	<b>55.756.199.850</b>	<b>75.711.913.986</b>

**27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.487.858.809	896.521.264
Chi phí nhân công	13.074.020.759	13.836.337.059
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.717.628.985	1.594.577.405
Thuế, phí, lệ phí	4.549.336.771	3.222.127.397
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.173.468.959	3.436.303.451
Chi phí khác bằng tiền	5.877.104.321	4.235.589.618
	<b>28.879.418.604</b>	<b>27.221.456.194</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU**Số 15, Phố Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**28 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Tiền phạt thu được	1.220.000	22.311.000
Thu nhập khác	416.464.618	275.016.175
	<b>417.684.618</b>	<b>297.327.175</b>

**29 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Các khoản bị phạt	76.003.130	375.238.929
Chi phí phân bổ dự án nhà máy tại Vĩnh Long	322.216.747	-
Chi phí khác	61.765	124.409.775
	<b>398.281.642</b>	<b>499.648.704</b>

**30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14.565.445.316	11.806.263.303
Các khoản điều chỉnh tăng	326.981.069	738.590.559
- Chi phí không hợp lệ	76.003.130	551.546.291
- Lỗi đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ	-	18.612.268
- Chi phí khấu hao tài sản không được trừ	250.977.939	168.432.000
Các khoản điều chỉnh giảm	(186.334.970)	-
- Lỗi đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ	(186.334.970)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	14.706.091.415	12.544.853.862
Chi phí thuế TNDN năm nay	-	2.508.970.772
Thuế TNDN nộp bổ sung năm 2020	-	79.015.465
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>2.941.218.283</b>	<b>2.587.986.237</b>
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các kỳ trước vào thuế TNDN phải nộp kỳ này	-	(7.642.070)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	2.508.970.772	1.158.621.575
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(2.508.970.772)	(1.229.994.970)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>	<b>2.941.218.283</b>	<b>2.508.970.772</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU**Số 15, Phố Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**31 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2022	Năm 2021 (Số trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	11.624.227.033	9.218.277.066
Các khoản điều chỉnh:	(50.000.000)	(460.913.853)
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế (*)</i>	(50.000.000)	(460.913.853)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	11.574.227.033	8.757.363.213
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	12.229.534	12.229.534
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>946</b>	<b>716</b>

(\*) Công ty tạm trích Quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2022 theo kế hoạch năm.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được trình bày lại do ảnh hưởng của việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021 theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông số 426/NQ-HC-ĐHĐCĐ ngày 30/06/2022. Theo đó, giá trị lãi cơ bản trên cổ phiếu được trình bày lại cụ thể như sau:

	Năm 2021 (Số đã báo cáo)	Năm 2021 (Số trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	9.218.277.066	9.218.277.066
Các khoản điều chỉnh:	130.000.000	(460.913.853)
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế</i>	130.000.000	(460.913.853)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	9.348.277.066	8.757.363.213
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	12.229.534	12.229.534
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>764</b>	<b>716</b>

**32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	426.846.184.052	436.699.499.955
Chi phí nhân công	58.071.472.787	68.951.557.388
Chi phí khấu hao tài sản cố định	26.740.046.228	30.306.614.033
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.236.287.115	41.950.463.652
Chi phí khác bằng tiền	40.353.480.495	45.967.349.370
<b>576.247.470.677</b>	<b>623.875.484.398</b>	

## 33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

## Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

*Rủi ro thị trường*

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

*Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>				
Tiền	36.316.770.401	-	-	36.316.770.401
Phải thu khách hàng, phải thu khác	155.669.916.394	-	-	155.669.916.394
	<u>191.986.686.795</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>191.986.686.795</u>
<b>Tại ngày 01/01/2022</b>				
Tiền	43.596.054.520	-	-	43.596.054.520
Phải thu khách hàng, phải thu khác	101.385.963.973	-	-	101.385.963.973
	<u>144.982.018.493</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>144.982.018.493</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU**Số 15, Phố Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>				
Vay và nợ	156.200.336.732	126.395.422.867	-	282.595.759.599
Phải trả người bán, phải trả khác	134.253.932.385	-	-	134.253.932.385
Chi phí phải trả	20.418.780.390	-	-	20.418.780.390
	<b>310.873.049.507</b>	<b>126.395.422.867</b>	<b>-</b>	<b>437.268.472.374</b>
<b>Tại ngày 01/01/2022</b>				
Vay và nợ	140.103.996.945	151.915.273.494	-	292.019.270.439
Phải trả người bán, phải trả khác	100.387.025.706	-	-	100.387.025.706
Chi phí phải trả	17.635.415.547	-	-	17.635.415.547
	<b>258.126.438.198</b>	<b>151.915.273.494</b>	<b>-</b>	<b>410.041.711.692</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

**35 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Mía đường I - CTCP	Cùng chủ tịch HĐQT
Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư	Chi nhánh của Tổng Công ty Mía đường I - CTCP
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	Cùng chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Tập đoàn Picensa Việt Nam (Picensa)	Tổng Giám đốc là em ruột Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Bia rượu Nước giải khát Viger	Đơn vị cùng Tổng Công ty
Ông Nguyễn Văn Hội	Chủ tịch HĐQT
Bà Trần Thị Lệ Cham	Phó Tổng Giám đốc
Bà Cao Thị Hồng Liên	Vợ Chủ tịch HĐQT
Ông Cao Chiến Thắng	Em vợ Chủ tịch HĐQT
Ông Bùi Hải Hà	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Hồng Phương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Hồng Anh	Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU**Số 15, Phố Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày đầu kỳ, kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
<b>Doanh thu bán thành phẩm</b>	<b>68.934.226.159</b>	<b>11.008.081.307</b>
Tổng Công ty Mía đường I - CTCP	-	124.775.561
Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư	420.392.693	380.932.083
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	32.950.933.374	3.945.296.835
Công ty Cổ phần Bia rượu nước giải khát Viger	35.562.900.092	6.557.076.828
<b>Mua hàng hóa, vật tư</b>	<b>197.617.839.294</b>	<b>281.137.226.762</b>
Tổng Công ty Mía đường I - CTCP	36.858.702.622	73.195.703.178
Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư	102.303.920.235	206.998.112.136
Công ty Cổ phần Bia rượu nước giải khát Viger	58.455.216.437	943.411.448
<b>Vay trong kỳ</b>	<b>15.065.555.957</b>	<b>23.931.428.500</b>
Tổng Công ty Mía đường I - CTCP	3.213.727.336	2.693.067.600
Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư	2.585.000.000	17.672.012.830
Bà Cao Thị Hồng Liên	891.121.858	737.543.520
Ông Cao Chiến Thắng	581.571.000	487.350.000
Ông Nguyễn Văn Hội	1.282.580.359	1.074.788.010
Bà Nguyễn Hồng Anh	5.000.000.000	-
Ông Bùi Hải Hà	1.511.555.404	1.266.666.540
<b>Chuyển tiền giao dịch</b>	<b>7.000.000.000</b>	<b>-</b>
Công ty Thương mại Tư vấn và Đầu tư	7.000.000.000	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
<b>Thu nhập của Hội đồng quản trị</b>		
Ông Nguyễn Văn Hội	125.505.000	125.550.000
Bà Nguyễn Hồng Anh	452.846.146	435.935.472
Bà Trần Thị Lệ Châm	84.870.000	84.870.000
<b>Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc</b>		
Ông Nguyễn Văn Hội	(*)	(*)
Bà Nguyễn Hồng Anh	(*)	(*)
Bà Trần Thị Lệ Châm	(*)	(*)
Ông Bùi Hải Hà	390.305.959	383.100.000
Bà Hà Hồng Thúy	383.210.764	380.082.489
Bà Nguyễn Hồng Phương	370.242.682	383.100.000
Bà Hà Thị Phương Thảo	-	284.193.400

(\*) Đã được trình bày ở phần thu nhập của Hội đồng quản trị

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI CHÂU**

Số 15, Phố Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy,  
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
<b>Thu nhập của Ban Kiểm soát</b>		
Ông Nguyễn Phú Cường	84.870.000	84.870.000
Bà Đường Thị Hồng Hải	43.065.000	43.020.000
Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan	44.000.000	47.800.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

**36 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

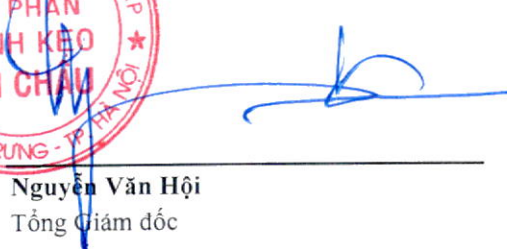
Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Phạm Ngọc Quang  
Người lập



Khúc Thị Minh Phương  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hội  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 07 tháng 04 năm 2023

